

ĐỀ CƯƠNG
BẢNG THỐNG KÊ DANH MỤC SẢN PHẨM/CÔNG VIỆC CỦA BỘ XÂY DỰNG

TT	Nhiệm vụ	Ghi chú
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>5</i>
A	XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH	
I	Đề xuất xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	
II	Xây dựng bộ luật, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	
<i>II.1</i>	<i>Giai đoạn xây dựng chính sách</i>	
<i>II.2</i>	<i>Giai đoạn soạn thảo</i>	
III	Xây dựng Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	
IV	Xây dựng thông tư	
V	Thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	
VI	Đàm phán, ký kết, gia nhập, thực hiện điều ước quốc tế trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng	
VII	Đàm phán, ký kết, gia nhập, thực hiện thỏa thuận quốc tế trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng	
VIII	Đàm phán, ký kết văn kiện hợp tác khác của các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng	
IX	Xây dựng đề án/dự án	
X	Xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn	
XI	Xây dựng kế hoạch, chương trình, chính sách, chiến lược, chỉ thị, công điện, văn bản.... của Bộ triển khai thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, quy định của pháp luật; triển khai thực hiện các công tác pháp chế	
XII	Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật	
XIII	Rà soát, tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	
XIV	Pháp điển hệ thống văn bản quy phạm pháp luật	
XV	Các nhiệm vụ khác liên quan đến việc hoàn thiện thể chế, thi hành pháp luật	
B	NHÓM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH	
I	Lĩnh vực quản lý doanh nghiệp	
<i>I.1</i>	<i>Công tác thành lập mới và cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp</i>	
<i>I.2</i>	<i>Công tác về đầu tư và quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp</i>	
<i>I.3</i>	<i>Công tác về thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát và đánh giá doanh nghiệp</i>	
<i>I.4</i>	<i>Công tác khác</i>	
II	Lĩnh vực quy hoạch - kiến trúc	
<i>II.1</i>	<i>Công tác quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn</i>	
<i>II.2</i>	<i>Công tác quản lý kiến trúc</i>	
<i>II.3</i>	<i>Công tác thẩm định, góp ý các quy hoạch, chương trình, kế hoạch theo pháp luật về quy hoạch</i>	

TT	Nhiệm vụ	Ghi chú
II.4	Công tác xây dựng và góp ý các chương trình, đề án, dự án	
II.5	Công tác khác về lĩnh vực quy hoạch - kiến trúc	
II.6	Công tác quy hoạch giao thông vận tải	
III	Lĩnh vực vận tải và an toàn giao thông	
III.1	Tham mưu xây dựng: Quyết định ban hành Kế hoạch công tác phục vụ tốt nhu cầu đi lại của nhân dân, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông dịp lễ, tết	
III.2	Công tác phòng thủ dân sự, phòng chống khủng bố, an ninh phi truyền thống, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn	
III.3	Lĩnh vực đường bộ	
III.4	Lĩnh vực hàng không	
III.5	Lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa	
III.6	Đường sắt	
III.7	Công tác tham mưu tổng hợp, điều phối liên ngành về vận tải, an toàn giao thông và vận tải đa phương thức	
III.8	Công tác thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông theo quy định của pháp luật	
IV	Lĩnh vực khoa học công nghệ môi trường và vật liệu xây dựng	
IV.1	Nhóm thường trực hội đồng sáng kiến, hội đồng sáng kiến - khoa học	
IV.2	Công tác Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về tiêu chuẩn	
IV.3	Công tác Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về quy chuẩn	
IV.4	Công tác xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ	
IV.5	Công tác xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường	
IV.6	Công tác xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp kinh tế	
IV.7	Công tác hợp chuẩn, quy chuẩn	
V	Lĩnh vực kinh tế - quản lý đầu tư xây dựng	
V.1	Thẩm định thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về xây dựng	
V.2	Nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư, chủ đầu tư	
V.3	Công tác quản lý đầu tư công, chuẩn bị đầu tư và kế hoạch vốn đầu tư	
V.4	Công tác khác về lĩnh vực kinh tế - quản lý đầu tư xây dựng	
VI	Lĩnh vực y tế giao thông vận tải	
VII	Lĩnh vực giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng	
VII.1	Thực hiện nhiệm vụ Cơ quan thường trực Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng	
VII.2	Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng	
VII.3	Quản lý an toàn vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình	
VII.4	Quản lý về giám định tư pháp xây dựng	
VIII	Lĩnh vực đường bộ	
VIII.1	Khoa học công nghệ	
VIII.2	Môi trường	
VIII.3	Lập quy hoạch	

TT	Nhiệm vụ	Ghi chú
VIII.4	Kế hoạch đầu tư	
VIII.5	Chuẩn bị đầu tư	
VIII.6	Quản lý dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	
VIII.7	Thẩm định thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng	
VIII.8	Nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư, chủ đầu tư	
VIII.9	Công tác đấu thầu	
VIII.10	Công tác quản lý chất lượng, tiến độ, chi phí, hợp đồng đối với các dự án	
VIII.11	Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông	
VIII.12	Phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai	
VIII.13	Tổ chức giao thông, đảm bảo an toàn giao thông	
VIII.14	Hệ thống thu phí sử dụng đường bộ	
VIII.15	Theo dõi công tác bồi thường Nhà nước	
VIII.16	Công tác trực tiếp thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên công tác quản lý, vận hành, khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ trên tuyến quốc lộ, cao tốc được giao quản lý	
VIII.17	Công tác quản lý vận tải	
VIII.18	Quản lý hoạt động đào tạo lái xe	
VIII.19	Xây dựng Cơ sở dữ liệu chuyên ngành đường bộ	
VIII.20	Quản lý, phát triển Hệ thống quản lý giao thông thông minh (ITS)	
VIII.21	Giám định tư pháp	
VIII.22	Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường bộ	
VIII.23	Giải trình cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước về các nội dung liên quan đến dự án	
IX	Lĩnh vực hàng hải và đường thủy	
IX.1	Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	
IX.2	Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải, đường thủy	
IX.3	An toàn an ninh tại cảng biển, cảng, bến thủy nội địa	
IX.4	Vận tải hàng hải, đường thủy	
IX.5	Công tác thuyền viên, hoa tiêu	
IX.6	Khoa học công nghệ và môi trường	
X	Lĩnh vực hàng không	
X.1	Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng	
X.2	Quản lý giá, phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không	
X.3	Quản lý cảng hàng không, sân bay	
X.4	Vận tải hàng không	
X.5	Quản lý hoạt động bay	
X.6	Tiêu chuẩn an toàn bay	
XI	Lĩnh vực phát triển đô thị	
XI.1	Quản lý nhà nước lĩnh vực phát triển đô thị	
XI.2	Thẩm định theo thẩm quyền	
XII	Lĩnh vực quản lý nhà và thị trường bất động sản	
XII.1	Văn phòng Thường trực Ban chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản	
XII.2	Công tác quản lý, phát triển nhà ở	
XII.3	Công tác quản lý, phát triển nhà ở xã hội	

TT	Nhiệm vụ	Ghi chú
XII.4	Công tác quản lý nhà ở công vụ và Chương trình mục tiêu	
XII.5	Công tác quản lý thị trường bất động sản	
XIII	Lĩnh vực đường sắt	
XIII.1	Quản lý nhân viên đường sắt	
XIII.2	Quản lý phương tiện GTĐS	
XIII.3	Quản lý hoạt động vận tải	
XIII.4	Quản lý an toàn giao thông đường sắt	
XIII.5	Công tác kiểm tra an toàn giao thông đường sắt	
XIII.6	Công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trung hạn và hàng năm, các chương trình, dự án, đề án	
XIII.7	Về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt	
XIV	Lĩnh vực đăng kiểm	
XIV.1	Công tác về lĩnh vực đường bộ	
XIV.2	Công tác về lĩnh vực phương tiện thủy nội địa	
XIV.3	Công tác về lĩnh vực tàu biển và công trình biển	
XIV.4	Công tác về lĩnh vực phương tiện giao thông đường sắt	
XIV.5	Công tác quản lý giá, lệ phí trong lĩnh vực đăng kiểm	
XIV.6	Công tác về lĩnh vực khác	
XV	Lĩnh vực kết cấu hạ tầng	
XV.1	Lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải	
XV.2	Lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông	
XV.3	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật	
C	NHÓM CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG	
I	Công tác hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ, tiếp dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, trả lời kiến nghị cử tri và đại biểu quốc hội	
I.1	Công tác hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ, tiếp dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo	
I.2	Trả lời kiến nghị cử tri	
II	Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát	
II.1	Công tác thanh tra	
II.2	Công tác kiểm tra, giám sát	
II.3	Tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra, công tác	
II.4	Xử lý vi phạm hành chính	
III	Công tác nghiên cứu khoa học	
III.1	Quy trình thực hiện	
III.2	Công tác điều tra, khảo sát	
IV	Công tác pháp chế	
IV.1	Kiểm tra và xử lý văn bản QPPL theo thẩm quyền	
IV.2	Tự kiểm tra và xử lý văn bản QPPL	
IV.3	Về công tác tham mưu, tư vấn về các vấn đề pháp lý và tham gia tố tụng	
V	Công tác hợp tác quốc tế	
V.1	Nhóm nhiệm vụ triển khai đường lối hội nhập đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước	
V.2	Công tác Ủy ban liên Chính phủ và triển khai hoạt động nhóm công tác hợp tác song phương đa phương	
V.3	Công tác Đoàn ra, Đoàn vào	
V.4	Công tác quản lý, tổ chức Hội nghị Hội thảo quốc tế	

TT	Nhiệm vụ	Ghi chú
V.5	Công tác phối hợp, triển khai các dự án hợp tác trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng	
V.6	Công tác biên, phiên dịch đối ngoại chuyên sâu (tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Pháp)	
VI	Công tác hành chính văn phòng	
VI.1	Nhóm công tác hành chính tổng hợp	
VI.2	Công tác kiểm soát thủ tục hành chính	
VI.3	Công tác quản trị	
VI.4	Công tác văn thư, lưu trữ	
VI.5	Công tác thông tin truyền thông	
VI.6	Công tác bảo vệ bí mật nhà nước	
VI.7	Công tác khác	
VII	Công tác tổ chức cán bộ	
VII.1	Xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ theo phân cấp	
VII.2	Xây dựng quy chế, quy định	
VII.3	Biên chế, vị trí việc làm, kế hoạch tinh giản biên chế	
VII.4	Tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức, người lao động	
VII.5	Chế độ, chính sách	
VII.6	Đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng, công nhận sáng kiến	
VII.7	Kê khai tài sản, thu nhập	
VII.8	Công tác đào tạo, bồi dưỡng	
VII.9	Công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực	
VII.10	Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức	
VII.11	Quản lý công tác tổ chức, cán bộ của các hội, quỹ, hiệp hội	
VIII	Công tác kế hoạch - tài chính, kế toán	
VIII.1	Kế hoạch phát triển KT-XH	
VIII.2	Thống kê	
VIII.3	Quản lý đầu tư	
VIII.4	Công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, quyết toán xây dựng cơ bản	
VIII.5	Quản lý tài chính	
VIII.6	Quản lý tài sản công	
VIII.7	Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	
VIII.8	Kiểm toán nội bộ	
VIII.9	Kết luận TT-KT-KTNN	
VIII.10	Công tác kế toán	
IX	Công tác cải cách hành chính	
IX.1	Công tác chỉ đạo, điều hành	
IX.2	Xây dựng kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn	
IX.3	Xây dựng kế hoạch cải cách hành chính hằng năm	
IX.4	Xây dựng kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính	
IX.5	Xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính	
IX.6	Chấm điểm chỉ số cải cách hành chính đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ	
IX.7	Chấm điểm chỉ số cải cách hành chính của Bộ	
IX.8	Triển khai điều tra xã hội học chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính	
IX.9	Báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ	

TT	Nhiệm vụ	Ghi chú
X	Văn hóa công vụ	
XI	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	
D	NHÓM CÔNG TÁC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	
I	Công tác Đảng	
II	Công tác đoàn thể	